

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO - MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

Nguyễn Anh Thư* và Huỳnh Thị Minh Anh
Trường Đại học Tây Đô
(*Email: nguyenanhthu@tdu.edu.vn)

Ngày nhận: 19/3/2024

Ngày phản biện: 22/3/2024

Ngày duyệt đăng: 24/6/2024

TÓM TẮT

Hiện nay, vấn đề các cặp vợ chồng không thể tự mình mang thai tự nhiên có xu hướng ngày càng tăng dù đã áp dụng các biện pháp hỗ trợ sinh sản nhưng vẫn không có kết quả. Trước tình hình đó, Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đã mở rộng cho phép việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo tạo cơ hội làm cha, mẹ cho các cặp vợ chồng vô sinh, hiếm muộn tại Việt Nam. Song không phải bất kỳ đối tượng nào cũng có thể đáp ứng đủ điều kiện để áp dụng biện pháp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo cho các cặp vợ chồng hiếm muộn. Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả phân tích làm rõ quy định pháp luật về các điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo Luật Hôn nhân 2014. Đồng thời, chỉ ra những bất cập và đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Từ khoá: Điều kiện mang thai hộ, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo, nhờ mang thai hộ

Trích dẫn: Nguyễn Anh Thư và Huỳnh Thị Minh Anh, 2024. Quy định pháp luật về điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 20: 43-51.

*ThS. Nguyễn Anh Thư - Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Tây Đô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là một biện pháp hỗ trợ sinh sản lần đầu tiên được ghi nhận tại Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quy định này cho phép thực hiện biện pháp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo hỗ trợ các cặp vợ chồng không thể mang thai tự nhiên, khi họ đáp ứng điều kiện về mang thai hộ. Tuy nhiên, một số cặp vợ chồng vẫn không thể đáp ứng đủ điều kiện để mang thai hộ do quy định pháp luật còn tồn tại một số điểm bất cập nên gây khó khăn trong quá trình áp dụng quy định. Điển hình như một trong những điều kiện của bên được nhờ mang thai hộ phải là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ (điểm a khoản 3 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình 2014). Như vậy, đối với trường hợp các cặp vợ chồng hiếm muộn không có người thân thích cùng hàng thì không thể đáp ứng điều kiện về mang thai hộ, quy định này trở thành “rào cản pháp lý” để các cặp vợ chồng bị hiếm muộn khó có thể thực hiện được mong muốn có con chung. Vì vậy, việc phân tích quy định pháp luật về điều kiện mang thai hộ, chỉ ra những điểm vướng mắc, bất cập trong quy định của pháp luật, từ đó kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về vấn đề này là việc hết sức cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

2. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN MANG THAI HỘ VÌ MỤC ĐÍCH NHÂN ĐẠO VÀ MỘT SỐ BẤT CẬP

2.1. Khái niệm về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

Theo khoản 22 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là việc một người phụ nữ tự nguyện, không vì mục đích thương mại giúp mang thai cho cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, bằng việc lấy noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng để thụ tinh trong ống nghiệm, sau đó cấy vào tử cung của người phụ nữ tự nguyện mang thai để người này mang thai và sinh con*”. Từ đó có thể hiểu mang thai hộ vì mục đích nhân đạo là biện pháp kết hợp noãn của người vợ và tinh trùng của người chồng tạo thành phôi thai chuyển vào tử cung của người phụ nữ tự nguyện mang thai hộ và đưa trẻ được sinh ra thừa hưởng ADN của cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ.

Như vậy, việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo được thực hiện trên cơ sở khoa học, được tiến hành bởi các quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt chứ không phải có sự “tiếp xúc cơ thể” giữa bên nhờ và bên nhận sinh con như cách nhìn nhận truyền thống từ trước đến nay (Phan Trung Hiền và Huỳnh Thị Trúc Giang, 2020). Qua đó có thể nhận thấy rằng, để mang thai hộ phải đáp ứng các điều kiện về chủ thể giữa bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ, phải dựa trên cơ sở của sự tự nguyện và việc mang thai hộ xuất phát vì mục đích nhân đạo. Đây là hai điều kiện quan trọng để thực hiện việc mang thai hộ.

2.2. Điều kiện về mang thai hộ vì mục đích nhân đạo

2.2.1. Điều kiện đối với bên nhờ mang thai hộ

Theo khoản 2 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản; b) Vợ chồng đang không có con chung; c) Đã được tư vấn y tế, pháp lý, tâm lý.*”

Như vậy, điều kiện đối với bên nhờ mang thai hộ bao gồm:

Điều kiện thứ nhất là bên nhờ phải là “vợ chồng”. Điều kiện này nghĩa là quan hệ hôn nhân của họ đã được pháp luật công nhận và bảo hộ. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ vợ chồng chỉ được công nhận từ ngày đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đã đáp ứng đầy đủ điều kiện về kết hôn (Phan Trung Hiền và Huỳnh Thị Trúc Giang, 2020).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 10/2015/NĐ-CP thì chỉ những cặp “vợ chồng vô sinh” không đáp ứng đủ điều kiện mang thai tự nhiên do nguyên nhân khách quan hoặc đã được can thiệp bằng các kỹ thuật sinh sản vẫn không thể mang thai và sinh con thì mới có thể sử dụng biện pháp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Đây là tình trạng vợ chồng sau một năm chung sống có quan hệ tình dục trung bình 2 – 3 lần/tuần, không sử dụng biện pháp tránh thai mà người vợ vẫn không có

thai (Khoản 2 Điều 2 Nghị định 10/2015 ngày 28/01/2015 của Chính phủ).

Để có căn cứ cho rằng cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ rơi vào tình trạng “vô sinh” thì phải có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền. Quy định này nhằm mục đích thực hiện việc khám, đánh giá sức khỏe cũng như tiến hành xét nghiệm, kiểm tra y tế để đưa ra kết quả chính xác và giúp cho cặp vợ chồng không thể mang thai có đủ giấy tờ chứng minh hợp pháp để thực hiện việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Hiện nay, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm bao gồm: Cơ sở phụ sản, sản - nhi của nhà nước từ tuyến tỉnh trở lên; Bệnh viện đa khoa tư nhân có khoa sản, khoa sản - nhi; Bệnh viện chuyên khoa phụ sản, chuyên khoa sản - nhi tư nhân; Bệnh viện chuyên khoa nam học và hiếm muộn (Điều 7 Nghị định 10/2015 ngày 28/01/2015 của Chính phủ).

Điều kiện thứ hai là vợ chồng phải “*đang không có con chung*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con chung là con được sinh ra hoặc do vợ người vợ sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Ngoài ra, nếu con được sinh ra trong vòng 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân cũng được coi là con chung của vợ chồng. Việc đang không có con chung này được xác nhận bởi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của vợ chồng nhờ mang thai hộ. Quy định này đã thể hiện rõ yêu cầu của pháp luật là việc mang hộ vì mục đích nhân đạo chỉ hướng đến những cặp vợ chồng đang không có con chung nhằm giúp họ có cơ

hội được làm cha mẹ, đồng thời cũng gián tiếp khẳng định những cặp vợ chồng đã có con chung thì không thể thực hiện kỹ thuật này để sinh tiếp con thứ hai dù có thể họ đã không thể tiếp tục sinh con được nữa do những nguyên nhân bệnh lý (Phan Trung Hiền và Huỳnh Thị Trúc Giang, 2020). Tuy nhiên, bất cập ở đây chính là đối với các cặp vợ chồng từng có con chung nhưng ở thời điểm hiện tại đứa trẻ đó không còn hoặc trường hợp đứa con chung của họ đang gặp một số vấn đề về sức khỏe và họ mong muốn sinh thêm một đứa con khác nhưng người vợ không thể mang thai thì họ có thể sử dụng kỹ thuật mang thai hộ trong trường hợp này hay không. Theo quan điểm của nhóm tác giả thì đây cũng là một trong những trường hợp cần được pháp luật cho phép được nhờ người khác mang thai hộ. Vì khi đã làm cha mẹ thì việc mong muốn tìm kiếm đứa con chung của cả hai vợ chồng và đứa trẻ phải khỏe mạnh phát triển bình thường là nhu cầu chính đáng của các cặp vợ chồng vô sinh hiếm muộn.

Điều kiện thứ ba là vợ chồng bên nhờ mang thai hộ đã được tư vấn y tế, pháp lý, tâm lý. Việc tư vấn y tế, pháp lý, tâm lý nhằm giúp cặp vợ chồng mang thai hộ hiểu rõ hơn về quy trình thực hiện, quyền lợi và nghĩa vụ khi nhờ người khác mang thai hộ. Đồng thời, giúp họ chuẩn bị tâm lý tốt nhất để quá trình mang thai hộ được diễn ra thuận lợi, đáp ứng nguyện vọng có con chung của cặp vợ chồng vô sinh hiếm muộn.

2.2.2. Điều kiện đối với bên được nhờ mang thai hộ

Theo khoản 3 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Người được nhờ mang thai hộ phải có đủ các điều kiện sau đây: a) Là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ; b) Đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần; c) Ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ; d) Trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng; đ) Đã được tư vấn y tế, pháp lý, tâm lý.*”

Như vậy, điều kiện đối với bên được nhờ mang thai hộ bao gồm:

Điều kiện thứ nhất là người được nhờ mang thai hộ phải là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ. Người thân thích bao gồm anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì của họ; anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha với họ (Khoản 7 Điều 2 Nghị định 10/2015 ngày 28/01/2015 của Chính phủ). Ý nghĩa của quy định này chính là nhằm hướng tới mục đích loại bỏ mang thai hộ vì mục đích thương mại. Xuất phát từ việc mang thai hộ nhằm giúp cho các cặp vợ chồng vô sinh sinh con, con được sinh ra bởi những người thân thích với cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ nên giữa trẻ em được sinh ra và người thân thích được nhờ mang thai hộ không thể phủ nhận mọi liên hệ (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2014). Tuy nhiên, trong trường hợp cặp vợ chồng vô

sinh hiếm muộn là con một trong gia đình không có người thân thích cùng hàng theo quy định thì sẽ không thể thực hiện được việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Ở Việt Nam hiện nay, các cặp vợ chồng vô sinh hiếm muộn nếu không tìm được người nhờ mang thai hộ là người thân thích cùng hàng với hai vợ chồng thì sẽ không thể áp dụng kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo. Điển hình như đối với *những cặp vợ chồng là trẻ mồ côi, gia đình ly tán không tìm được người thân thích thì việc nhờ người thân thích cùng hàng để mang thai hộ là điều không thể thực hiện. Vậy đối với nhóm đối tượng này nên chăng pháp luật có cần mở rộng điều kiện cho họ được phép nhờ người khác không phải là người thân thích mang thai hộ hay không.*

Ở Thái Lan, theo quy định tại Điều 14 Đạo luật Bảo vệ đứa trẻ được sinh ra bởi công nghệ hỗ trợ sinh sản năm 2015 thì người phụ nữ được nhờ mang thai hộ phải có mối quan hệ ruột thịt với vợ hoặc chồng người nhờ mang thai hộ. Trong trường hợp người phụ nữ này không có quan hệ huyết thống với nhau thì vẫn có thể được thực hiện việc mang thai hộ nhưng phải tuân theo các quy tắc, thủ tục và điều kiện do Bộ trưởng Bộ Y tế và cố vấn của Ủy ban. Pháp luật Thái Lan dường như “nói lỏng” về điều kiện huyết thống trong mối quan hệ giữa bên nhờ mang thai hộ và bên được nhờ mang thai hộ. Có nghĩa là, người phụ nữ được nhờ mang thai hộ không nhất thiết phải có mối quan hệ huyết thống với vợ hoặc chồng của bên nhờ mang thai hộ miễn là họ tuân thủ các điều kiện luật định. Quy

định này mở rộng điều kiện mang thai hộ cho vợ chồng người nhờ mang thai hộ khi thực tế không phải lúc nào vợ hoặc chồng hoặc cả vợ chồng cũng có người có quan hệ huyết thống (Nguyễn Phạm Thanh Hoa, 2022).

Điều kiện thứ hai là người được nhờ mang thai hộ đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần. Quy định này nhằm giúp bảo vệ người được nhờ mang thai hộ vì việc mang thai và sinh con chứa nhiều rủi ro và có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của người được nhờ mang thai hộ. Hơn nữa, việc nhờ những người đã từng sinh con cũng sẽ nhằm tránh trường hợp mang thai hộ vì mục đích thương mại. Tuy nhiên, trong trường hợp người phụ nữ đã từng sinh con nhưng có các tiền sử bệnh lý như thai lưu, tiểu đường thai kỳ, tiền sản giật, băng huyết sau sinh,... thì họ có thể mang thai hộ được hay không. Đối với những trường hợp này nếu mang thai hộ sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro về sức khỏe cho mẹ và thai nhi cho nên pháp luật cần có hướng dẫn chi tiết về trường hợp này nhằm hạn chế những rủi ro trong quá trình mang thai hộ.

Điều kiện thứ ba là người mang thai hộ phải ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ. Theo kiến thức sinh sản phổ thông thì tuổi sinh đẻ tốt nhất cho phụ nữ là ở độ tuổi từ 20 – 35 tuổi (Phan Trung Hiền và Huỳnh Thị Trúc Giang, 2020). Tuy nhiên ở Việt Nam hiện nay, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chưa quy định cụ thể về ngưỡng độ tuổi có thể mang thai hộ mà chỉ quy định việc có đủ tuổi mang thai

hộ hay không sẽ phụ thuộc vào xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền. Giả sử người phụ nữ được nhờ mang thai hộ đã từng sinh con vào năm 16 tuổi và vào năm 17 tuổi được chị gái ruột nhờ mang thai hộ và được tổ chức y tế có thẩm quyền xác nhận có thể mang thai hộ thì người này có đủ điều kiện để mang thai hộ hay không. Xét theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về điều kiện của người được nhờ mang thai hộ đã từng sinh con thì họ đáp ứng được điều kiện này, nhưng xét về độ tuổi để tham gia quan hệ pháp luật về hôn nhân và gia đình thì chưa đủ điều kiện vì họ chỉ mới 17 tuổi. Hoặc trong một trường hợp khác, người phụ nữ được nhờ mang thai hộ đã từng sinh con nhưng hiện nay họ đã 45 tuổi thì có đáp ứng điều kiện về độ tuổi phù hợp theo quy định này hay không. Qua đó cho thấy, pháp luật cần có hướng dẫn chi tiết về một độ tuổi phù hợp cho việc mang thai hộ nhằm bảo vệ sức khỏe của người mẹ và thai nhi hạn chế những rủi ro bệnh lý trong quá trình mang thai.

Ở Ấn Độ, quy định về mang thai hộ và thủ tục mang thai hộ năm 2019 được Bộ trưởng Bộ Y tế và Phúc lợi gia đình ban hành vào 15/7/2019 quy định “*đối với bên được nhờ mang thai hộ, để thực hiện việc mang thai hộ cho vợ chồng người nhờ mang thai hộ thì người phụ nữ phải đáp ứng các điều kiện sau: Một là người phụ nữ đã từng kết hôn, đã có ít nhất một đứa con và trong độ tuổi từ 25 tuổi đến 35 tuổi...*” (Điều 4 Quy định về mang thai hộ và thủ tục mang thai hộ tại Ấn Độ, 2019). Qua đó cho thấy, pháp luật Ấn độ quy định cụ thể độ tuổi để

bên được nhờ mang thai hộ được phép mang thai hộ là từ 25 tuổi đến 35 tuổi. Việc quy định này nhằm giúp xác định rõ điều kiện về độ tuổi phù hợp để trở thành người mang thai hộ và đảm bảo sự an toàn về sức khỏe của người mang thai hộ và đứa trẻ trong quá trình mang thai và sinh con.

Điều kiện thứ tư là nếu người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng. Trong mối quan hệ giữa người phụ nữ được nhờ mang thai hộ với chồng, đây là mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cho nên, các vấn đề liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của một trong hai người thì cần phải có sự đồng thuận của người còn lại. Đặc biệt, khi việc mang thai hộ là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến cả tâm lý, sức khỏe, tư tưởng của hai người nên nếu trường hợp người chồng không đồng ý thì việc mang thai hộ sẽ không được thực hiện. Nói cách khác, việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải xuất phát từ sự đồng ý của hai vợ chồng người được nhờ mang thai hộ (Nguyễn Phạm Thanh Hoa, 2022). Với quy định này nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người phụ nữ bởi quá trình mang thai, sinh con rất dài, mang nhiều biến đổi về tâm, sinh lý và ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của gia đình. Với sự đồng ý, đồng hành của người chồng, người vợ mang thai hộ có thể vượt qua được các khó khăn và có thể giúp người khác sinh được con (Phan Trung Hiền và Huỳnh Thị Trúc Giang, 2020).

Điều kiện thứ năm là người mang thai hộ đã được tư vấn y tế, pháp lý, tâm lý.

Việc tư vấn y tế, pháp lý, tâm lý nhằm giúp người được nhờ mang thai hộ hiểu rõ hơn về quy trình thực hiện, quyền lợi và nghĩa vụ khi mang thai hộ. Đồng thời, giúp họ chuẩn bị tâm lý tốt nhất để quá trình mang thai hộ được diễn ra thuận lợi, đáp ứng đúng với tinh thần và mục đích mang thai hộ.

3. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN MANG THAI HỘ

Để khắc phục những bất cập đang tồn tại trong quy định pháp luật hôn nhân và gia đình về điều kiện mang thai hộ thì nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với bất cập tại điểm b khoản 2 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024 về điều kiện “đang không có con chung” của bên nhờ mang thai hộ thì cơ quan lập pháp cần mở rộng thêm các trường hợp “*Đối với vợ chồng đã từng có con chung nhưng đứa trẻ mắc bệnh di truyền bẩm sinh*”. Vì với hướng giải quyết này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cặp vợ chồng sẽ có cơ hội có một đứa con chung khỏe mạnh bình thường và để đáp ứng nhu cầu làm cha mẹ của các cặp vợ chồng vô sinh hiếm muộn.

Thứ hai, đối với bất cập tại điểm a khoản 3 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện bên được nhờ mang thai hộ phải là “*người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ*” trong trường hợp nếu không có người thân thích cùng hàng để nhờ mang thai hộ thì theo kinh nghiệm của pháp luật ở Thái Lan thì vẫn

cho phép mang thai hộ nhưng phải tuân theo các quy tắc, thủ tục và điều kiện do Bộ trưởng Bộ Y tế và cố vấn của Ủy ban quy định. Vì thế, pháp luật Việt Nam nên mở rộng điều kiện mang thai hộ trong trường hợp vợ chồng bên nhờ mang thai hộ không có người thân thích cùng hàng vẫn có thể nhờ người khác mang thai hộ như pháp luật ở Thái Lan. Giải pháp này nhằm khắc phục được bất cập trong trường hợp vợ chồng nhờ mang thai hộ là con một trong gia đình không có người thân thích cùng hàng vẫn có thể áp dụng kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Thứ ba, đối với bất cập tại điểm b khoản 3 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện bên được nhờ mang thai hộ “*đã từng sinh con*” thì cần có văn bản hướng dẫn cụ thể trong trường hợp người được nhờ mang thai hộ đã từng sinh con và không có tiền sử bệnh lý trong quá trình mang thai. Với quy định này sẽ đảm bảo về mặt sức khỏe của người mang thai hộ và đứa trẻ không gặp phải những rủi ro về bệnh lý trong quá trình mang thai.

Thứ tư, đối với bất cập tại điểm c khoản 3 Điều 95 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện bên được nhờ mang thai hộ phải “*ở độ tuổi phù hợp*” thì cần bổ sung độ tuổi của người được nhờ mang thai hộ vì việc xác định cụ thể một khung độ tuổi nhất định sẽ là hạn chế những hậu quả có thể xảy ra. Mặc dù trình độ y học đã phát triển nhưng không phải mọi trường hợp các bác sĩ có thể kiểm soát được những ảnh hưởng của việc mang thai hộ khi độ tuổi quá trẻ hoặc quá lớn. Hơn nữa, việc quy

định cụ thể độ tuổi giúp cho các y bác sĩ có cơ sở để áp dụng dựa trên việc kiểm tra sức khỏe (Nguyễn Phạm Thanh Hoa, 2022).

4. KẾT LUẬN

Qua những phân tích trên cho thấy, mang thai hộ là một trong những giải pháp giúp các cặp vợ chồng không thể sinh con có được niềm vui làm cha mẹ. Tuy nhiên, quy định pháp luật về điều kiện mang thai hộ còn tồn tại một số bất cập về điều kiện mang thai hộ của bên nhờ mang thai hộ như đang không có con chung, hoặc về điều kiện của bên được nhờ mang thai hộ phải là người

thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ, phải là người đã từng sinh con và ở độ tuổi phù hợp. Những điều này cho thấy, việc cho phép mang thai hộ hiện nay là một quy định đầy tính nhân đạo nhưng không phải bất kì ai cũng thực hiện được. Bởi vì với quy định về điều kiện mang thai hộ của Luật Hôn nhân và gia đình vẫn còn nhiều vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn. Cho nên, cơ quan lập pháp cần ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết nhằm khắc phục những bất cập, sửa đổi và bổ sung để phù hợp với thực tiễn thi hành pháp luật hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chính Phủ, 2015. Nghị định 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 quy định về kỹ thuật sinh con trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo;

Luật Hôn nhân và Gia đình, 2014. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.

Nguyễn Phạm Thanh Hoa, 2022. Điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo pháp luật Việt Nam và liên hệ pháp luật Ấn Độ - Thái Lan. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 13 (461), tháng 7/2022.

Phan Trung Hiền và Huỳnh Thị Trúc Giang, 2020. Hỏi – đáp và bình luận Luật Hôn

nhân và gia đình. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.

Quy định về mang thai hộ và thủ tục mang thai hộ tại Ấn Độ, “The Surrogacy (Regulation) Bill, 2019”. <https://prsindia.org/billtrack/the-surrogacy-regulation-bill-2019>, truy cập ngày 28/12/2023

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2014. Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (tái bản, sửa đổi, bổ sung). Nhà xuất bản Hồng Đức.

LEGAL REGULATIONS ON CONDITIONS FOR ALTRUISTIC GESTATIONAL SURROGACY – SOME INADEQUACIES AND RECOMMENDATIONS

Nguyen Anh Thu* and Huynh Thi Minh Anh
Tay Do University
(*Email: nguyenanhthu@tdu.edu.vn)

ABSTRACT

Currently, the problem of married couples who cannot conceive is increasing despite the assisted reproduction measures applied. Faced with this problem, the Marriage and Family Law of 2014 was amended to allow surrogacy for humanitarian purposes, to create opportunities for infertile couples in Vietnam to enjoy parenthood. However, not everyone can benefit from the new legislation. Within the framework of this article, the authors analyze and clarify the legal standards on the conditions of surrogacy under the Marriage and Family Law of 2014. Further, gaps are identified and solutions proposed for the appropriate application of the law on the conditions of surrogacy for humanitarian purposes.

Keywords: *Conditions for altruistic gestational surrogacy, altruistic gestational surrogacy, ask for gestational surrogacy.*